

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 131/2020/HS-ST.
Ngày: 14 - 8 - 2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Ba.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngọc Thị Ngoan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 99/2020/TLST-HS ngày 10 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2020/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 7 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2020/QĐHS-ST ngày 23 tháng 7 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2020/QĐHS-ST ngày 30 tháng 7 năm 2020, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn M, sinh năm 1991, tại Đồng Nai; **Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú:** tổ 4, khu 13, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 1/12; nghề nghiệp: không; con ông Nguyễn Hữu S (đã chết) và bà Lưu Thị M; chưa có vợ con;

Tiền án: Ngày 30/11/2011, bị Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch xử phạt 07 tháng 26 ngày về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999 (bị cáo chưa nộp số tiền 1.300.000 đồng bồi thường dân sự); tiền sự: Không;

Nhân thân: + Ngày 23/10/2007, bị Chủ tịch UBND huyện Long Thành ra Quyết định số 3986 về việc đưa vào trường giáo dưỡng với thời hạn 24 tháng, chấp hành xong ngày 18/10/2009.

+ Ngày 12/12/2013, bị Chủ tịch UBND huyện Long Thành ra Quyết định số 6735 về việc áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh với thời hạn 24 tháng, chấp hành xong ngày 16/12/2015.

+ Ngày 21/6/2016, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 24 tháng, chấp hành xong ngày 06/10/2017.

Bị can bị tạm giữ từ ngày 21/3/2020 chuyển tạm giam đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Long Thành.

- *Bị hại:* Anh Hồ Tuấn V, sinh năm 1995.

Địa chỉ: ấp 6, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Nguyễn Thị Phương X, sinh năm 1991.

Địa chỉ: ấp Long Phú, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Bị cáo, bị hại có mặt; chị X vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn M là người nghiện ma túy và không có nghề nghiệp ổn định. Lúc 23 giờ ngày 01/3/2020 Hồ Tuấn V và Nguyễn Đại N đến nhà M ở tổ 4, khu 13, xã Long Đức, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai để sử dụng ma túy cùng với M và Nguyễn Đức P. Do không còn ma túy để sử dụng nên M mượn xe mô tô biển số 60G1-164.70, hiệu Honda Vario của V để đi mua ma túy. Sau khi mua ma túy về cho cả nhóm sử dụng thì M hỏi V cho M mượn xe một lát để đi công việc thì được V đồng ý. Sau khi được V giao xe, M điều khiển xe mô tô trên đến phòng trọ của Nguyễn Thị Phương X (bạn gái M) ở Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Ngày 02/3/2020 V, P và N gọi điện nói M mang xe về trả cho V nhưng M nói có việc bận nên sẽ mang xe trả sau. Những ngày tiếp theo, V cùng với Nam tiếp tục gọi điện cho M nhưng M không nghe điện thoại. Khoảng 10 ngày sau do không có tiền tiêu xài nên M nảy sinh ý định mang xe của V đi cầm. M cùng với P đến các tiệm cầm đồ để cầm xe nhưng không được do xe không có giấy tờ. Sau đó P dẫn M đến Khu công nghiệp Mỹ Xuân thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu gặp một người tên “Em Trai” (không rõ nhân thân, lai lịch) để cầm xe với giá 10.000.000 đồng nhưng do không có đủ tiền nên người đàn ông này đưa cho M trước 1.000.000 đồng; 01 chiếc xe wave màu đỏ không rõ biển số và hẹn chiều sẽ đưa số tiền còn lại cho M. Đến chiều cùng ngày M và P tìm cách liên lạc với người đàn ông này nhưng không được, M đưa cho X

500.000 đồng, còn lại 500.000 đồng M tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 21/3/2020 M bị bắt khẩn cấp và đã khai nhận hành vi như trên.

Tại Kết luận định giá số 36/KL.ĐGTSTT ngày 26/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện Long Thành kết luận: 01 (một) xe mô tô hiệu Vario màu đen bạc mang biển số 60G1-164.70 có trị giá 38.000.000 đồng.

Việc thu giữ, xử lý vật chứng: Không.

Về dân sự: Tại cơ quan điều tra, bị hại anh Hồ Tuấn V yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại là 50.000.000 đồng. Tại phiên tòa, anh V yêu cầu bị cáo bồi thường 38.000.000 đồng theo kết luận định giá.

Trước Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội nêu trên phù hợp với lời khai bị hại và các chứng cứ, tài liệu thu thập tại hồ sơ vụ án.

Đối với Nguyễn Đức P có hành vi giúp M cầm cố chiếc xe của V cho một người đàn ông tên Em Trai (không rõ nhân thân, lai lịch), hiện không xác định được P đang ở đâu nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành tiếp tục xác M xử lý sau.

Đối với người đàn ông tên “Em Trai” có hành vi cầm cố chiếc xe của V nhưng không rõ nhân thân lai lịch, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành tiếp tục xác M, điều tra xử lý sau.

Đối với Nguyễn Thị Phương X (bạn gái của M): Việc M và P mang xe của V đi cầm X không biết, đến khi M cho X 500.000 đồng thì X mới biết là tiền do M cầm xe. Do M phạm tội thuộc khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự nên không đủ căn cứ để khởi tố X về tội không tố giác tội phạm.

Tại bản Cáo trạng số: 222/CT-VKSLT ngày 09/6/2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn M về tội “**Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản**” theo điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Tại cơ quan Điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn M đã khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo, phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu chứng cứ thu thập được tại hồ sơ vụ án, do đó cáo trạng của Viện kiểm sát là đúng người, đúng pháp luật. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo như tại cáo trạng.

Tình tiết tăng nặng: Tái phạm quy định tại điểm h, khoản 1, Điều 52 Bộ luật hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Việc thu giữ, xử lý vật chứng: Không.

Về dân sự: Bị hại anh Hồ Tuấn V yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại giá trị chiếc xe là 38.000.000 đồng, đề nghị chấp nhận.

Về biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự, buộc bị cáo M và chị Nguyễn Thị Phương X, mỗi người phải nộp lại 500.000 đồng là tiền do M phạm tội mà có để sung vào ngân sách nhà nước.

Từ những căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

- Ý kiến của bị hại tại phiên tòa: Anh V yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho anh giá trị của chiếc xe mô tô là 38.000.000 đồng theo kết luận định giá.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Phương X vắng mặt nhưng đã có lời khai tại cơ quan Điều tra và sự vắng mặt của chị X không gây trở ngại cho việc xét xử và đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị tiếp tục xét xử nên căn cứ Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt chị X.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn M đã khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo, phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được tại hồ sơ vụ án và cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố, nên có cơ sở xác định: Nguyễn Văn M và Hồ Tuấn V là những người sử dụng chung ma túy. Tối ngày 01/3/2020 M mượn xe mô tô biển số 60G1-164.70, hiệu Honda Vario trị giá 38.000.000 đồng của V, để đi việc riêng thì được V đồng ý. Sau khi nhận xe do không có tiền tiêu xài nên M nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe trên mang đi cầm cho một người đàn ông tên Em Trai (không rõ nhân thân, lai lịch) với giá 10.000.000 đồng, đưa trước cho M 01 chiếc xe wave màu đỏ không rõ biển số và 1.000.000 đồng, M cho Nguyễn Thị Phương X 500.000 đồng, còn lại 500.000 đồng M tiêu xài cá nhân hết. Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” được quy

định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội ở địa phương. Do đó, cần có mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, nhằm răn đe giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã **thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên** giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Về xử lý vật chứng: Tài sản là 01 chiếc xe mô tô không thu hồi được nên không xem xét.

[7] Về biện pháp tư pháp: **Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 buộc bị cáo M và chị Nguyễn Thị Phương X, mỗi người phải nộp lại 500.000 đồng là tiền do M phạm tội mà có để sung vào ngân sách nhà nước.**

[8] **Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Hồ Tuấn V giá trị chiếc xe mô tô biển số 60G1-164.70, hiệu Honda Vario là 38.000.000 đồng.

[9] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.900.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (5% của 38.000.000 đồng).

[10] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại gì nên các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/3/2020.

Về biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 buộc bị cáo M và chị Nguyễn Thị Phương X, mỗi người phải nộp 500.000 đồng là tiền do M phạm tội mà có để sung vào ngân sách nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015. Buộc bị cáo Nguyễn Văn M phải bồi thường cho anh Hồ Tuấn V giá trị chiếc xe mô tô biển số 60G1-164.70, hiệu Honda Vario là 38.000.000 đồng (ba mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Văn M phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.900.000 đồng (một triệu chín trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo M, anh V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị X được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND H.Long Thành;
- VKSND T. Đồng Nai;
- Công an H.Long Thành;
- Nhà tạm giữ CA H.Long Thành;
- CCTHA H.Long Thành;
- Sở tư pháp T.Đồng Nai.
- Bị cáo, bị hại, Người LQ;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Hoa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Hoa